TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đặng Hữu Lộc.

+ Ông Phan Thanh Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Đặng Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về: *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, SN: 1977
  Trú tại: thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu C, SN: 1978
  Trú tại: thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định
  (Bà L có mặt, ông C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà với ông Nguyễn Hữu C tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào ngày 10/11/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh

phúc. Đến năm 2008 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vì các con mà bà cố gắng chịu đựng để giữ hạnh phúc gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C thường xuyên đánh đập bà nhiều lần, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 7/2022 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Bà nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Hữu C.

Bà với ông Nguyễn Hữu C có 02 người con chung tên là Nguyễn Hữu N, sinh ngày 18/01/1999 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 04/3/2004. Các cháu đã đủ 18 tuổi, sức khỏe phát triển bình thường nên bà không yêu cầu giải quyết nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của bà Lang kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Hữu C vắng mặt nên chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà L được ly hôn ông C; 02 người con chung tên là Nguyễn Hữu N, sinh ngày 18/01/1999 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 04/3/2004, các cháu đã đủ 18 tuổi, sức khỏe phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết nuôi con; tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Hữu C. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà L được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Bà Nguyễn Thị L với ông Nguyễn Hữu C tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào ngày 10/11/1998 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L với ông C được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2008 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vì các con mà bà cố gắng chịu đựng để giữ hạnh phúc gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C thường xuyên đánh đập bà nhiều lần, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 7/2022 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Bà nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Hữu C.

[2.3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra bà Nguyễn Thị L với ông Nguyễn Hữu C phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, phải cùng có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung và có lúc ông C còn đánh bà L. Từ tháng 7/2022 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nhưng các bên không thể hàn gắn tình cảm để chung sống hạnh phúc nên bà L yêu cầu giải quyết ly hôn ông C. Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu C nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng ông C đều vắng mặt. Hiện nay ông C đang cư trú sinh sống tại thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, có lần Tòa án đến nhà tống đạt văn bản tố tụng cho ông C nhưng ông Cảnh từ chối nhận văn bản tố tụng. Việc ông C không chấp hành sự triệu tập của Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý từ việc không chấp hành sự triệu tập. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L với ông C đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Lang yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Hữu C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.4]. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị L với ông Nguyễn Hữu C có 02 người con chung tên là Nguyễn Hữu N, sinh ngày 18/01/1999 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 04/3/2004. Các cháu đã đủ 18 tuổi, sức khỏe phát triển bình thường, đương sự không yêu cầu giải quyết nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hữu C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Hữu C.

1.2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị L với ông Nguyễn Hữu C có 02 người con chung tên là Nguyễn Hữu N, sinh ngày 18/01/1999 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 04/3/2004. Các cháu đã đủ 18 tuổi, sức khỏe phát triển bình thường, đương sự không yêu cầu giải quyết nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí ly hôn: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên, bà L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 00.... ngày ... tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, nay được khấu trừ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định;*
- *VKSND huyện Phù Cát (02b);*
- *Chi cục THA DS huyện Phù Cát;*
- *UBND xã Cát T, H. P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Minh